TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **185**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 4 năm 2023
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN L
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thùy Trang.

2. Ông Nguyễn Văn Bé.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Nguyễn Ái Quyên - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Minh Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 623/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Ngọc K**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn H**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Ấp D, xã E, huyện A, tỉnh Tiền Giang.

(Vắng mặt chị K, anh H)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 12/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Trần Thị Ngọc K trình bày: Chị và anh Nguyễn H chung sống với nhau năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện A, tỉnh Tiền Giang vào ngày 04/5/2013. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do chị về nhà mẹ ruột để chăm sóc mẹ ruột do gia đình của chị neo đơn nhưng anh H không lo chăm sóc gia đình

nên vợ chồng ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày 06/12/2013. Chị K yêu cầu giao con cho chị nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị K; giao con chung là Nguyễn Thanh L, sinh ngày 06/12/2013 cho chị K nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Trần Thị Ngọc K khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn H nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng:

Ngày 13/3/2023, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc K có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh vắng mặt mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc K và anh Nguyễn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã E, huyện A, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã triệu tập anh H đến Tòa án nhưng anh vắng mặt không có lý do và không đưa ra

được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng nên anh đã mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Chị K vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Đời sống vợ chồng giữa anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, cả hai không còn yêu thương quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay nên mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị K theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày 06/12/2013. Chị K yêu cầu giao con chung cho chị nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu L đang sống với chị K, vì vậy để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện, ổn định về tâm lý và cuộc sống của cháu thì Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu cho chị K nuôi dưỡng, theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị K không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc K.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc K được ly hôn với anh Nguyễn H;

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thành L, sinh ngày 06/12/2013 cho chị Trần Thị Ngọc K nuôi dưỡng. Anh Nguyễn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí:

Chị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0025491 ngày 20/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, nên chị đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Chị K và anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND h. A;
- Chi cục THADS h. A;
- UBND xã E, h. A;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thị Huyền Ni